

Số: 274/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 04 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án "Tăng cường quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và
chống rác thải nhựa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025"**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Chiến lược Quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa; Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn;

Căn cứ Quyết định số 1316/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa ở Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2395/QĐ-BTNMT ngày 28/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa;

Căn cứ Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 22/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu rác thải nhựa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020-2025; Chương trình hành động số 06/CTr-UBND ngày 28/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ và Chương trình hành động số 08-Ctr/TU ngày 26/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 532/TTr-STNMT ngày 17 tháng 12 năm 2021; Văn bản số 340/STNMT-BVMT ngày 11 tháng 3 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án "Tăng cường quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chống rác thải nhựa trên địa bàn tỉnh tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025" (sau đây viết tắt là Đề án) với những nội dung sau đây:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Quan điểm

- Phù hợp với chiến lược Quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018; Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa; Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn; Quyết định số 1316/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa ở Việt Nam; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020-2025 và phù hợp với tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh;

- Đảm bảo sự quản lý thống nhất từ tỉnh, huyện, xã trong quản lý nhà nước về chất thải rắn sinh hoạt (sau đây cụm từ "chất thải rắn sinh hoạt" được viết tắt là "CTRSH") trên địa bàn tỉnh;

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh phải được quản lý theo hướng coi là tài nguyên, được phân loại, thu gom phù hợp với công nghệ xử lý được lựa chọn;

- Việc tăng cường nguồn lực trong công tác quản lý CTRSH phải đi kèm với việc kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Tăng cường năng lực của các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt (các cơ quan quản lý nhà nước; các tổ chức, cá nhân tham gia phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý và tái chế rác thải) trong việc xây dựng và thực thi cơ chế chính sách về quản lý chất thải rắn sinh hoạt và chống rác thải nhựa; tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu quản lý; cơ sở vật chất, trang thiết bị; huy động nguồn vốn, xây dựng và triển khai hạ tầng thu gom, xử lý như: các điểm tập kết, trung chuyển, các cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý, tái chế chất thải rắn sinh hoạt (quan tâm tới phân loại, tái chế và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, rác thải nhựa).

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Đối với chất thải rắn sinh hoạt

- 96% tổng lượng CTRSH tại các đô thị (trung tâm các huyện, thành phố) được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu vệ sinh môi trường; phấn đấu giảm tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý trực tiếp bằng phương pháp chôn lấp xuống dưới 30%; tỷ lệ chôn lấp sau xử lý xuống dưới 20%;

- 80% lượng CTRSH phát sinh tại khu dân cư nông thôn tập trung được thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tự xử lý, xử lý tập trung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường;

- Trên 70% các bãi chôn lấp CTRSH trên địa bàn tỉnh được đầu tư quy hoạch, xây dựng đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khu xử lý chất thải;

- Phấn đấu 100% các điểm chôn lấp chất thải tự phát không thuộc quy hoạch phải dừng hoạt động.

b) Đối với chất thải nhựa

- Hằng năm, giảm tối thiểu 10% rác thải và chất thải nhựa phát thải trên địa bàn tỉnh;

- 100% các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh không sử dụng túi ni lông khó phân hủy và các sản phẩm nhựa sử dụng một lần tại công sở và trong các hội nghị, cuộc họp và hoạt động của cơ quan;

- 100% các trung tâm thương mại, siêu thị sử dụng túi thân thiện với môi trường;

- 85% chất thải nhựa phát sinh được thu gom tái chế, tái sử dụng và xử lý;

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về tác hại do rác thải và chất thải nhựa trong sinh hoạt thường ngày của con người. Khuyến khích giảm thiểu phát thải CTRSH, hướng dẫn sử dụng các sản phẩm thay thế thân thiện với môi trường đối với từng hộ gia đình, ở các khu dân cư, chợ, siêu thị, trường học, trung tâm thương mại, khu du lịch, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử.

- Thực hiện tuyên truyền thông qua các hình thức phối hợp của các cơ quan báo chí, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Đài Truyền thanh Truyền hình cấp huyện, thông qua mạng xã hội, các cuộc thi, các nhóm tình nguyện thông tin tuyên truyền rộng rãi đến đông đảo người dân trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng các tài liệu tuyên truyền, hướng dẫn phân loại rác, hướng dẫn xử lý rác thải hữu cơ thành phân composts tại các hộ gia đình khu vực chưa được thu gom xử lý tập trung; tác hại của chất thải nhựa, biện pháp giảm thiểu chất thải nhựa và túi ni lông trong hoạt động sinh hoạt: tờ rơi, tờ gấp, ấn phẩm, sách hướng dẫn; tổ chức mô hình tuyên truyền đến các tổ chức chính trị xã hội; ban quản lý chợ, trung tâm thương mại.

- Thực hiện các chương trình truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng ở cộng đồng dân cư, cơ quan nhà nước, các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, tái chế, tái sử dụng và giảm thiểu chất thải.

- Giới thiệu các mô hình tiêu biểu, cách làm hiệu quả, sáng tạo về phân loại, thu gom, tái chế và giảm thiểu chất thải, mô hình nền kinh tế tuần hoàn, trong đó chuỗi sản xuất vận hành theo chu trình khép kín hầu như không phát sinh rác thải, chất thải ra môi trường.

- Tuyên truyền, vận động và tổ chức ký cam kết chống rác thải nhựa, không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần; các tổ chức phân phối sản phẩm, trung tâm thương mại, cửa hàng, nhà hàng, chợ, siêu thị không sử dụng túi ni lông khó phân hủy và sản phẩm nhựa dùng một lần.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội như: Liên Đoàn lao động, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh,... triển khai thực hiện các nhiệm vụ, chương trình nhằm giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt và hạn chế dùng sản phẩm nhựa sử dụng một lần và túi ni lông khó phân hủy.

2. Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về CTRSH

- Rà soát, sửa đổi, hoàn thiện các quy định về quản lý CTRSH, chất thải nhựa thuộc thẩm quyền; quy định về giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH; ưu tiên bố trí ngân sách cho các hoạt động đầu tư xây dựng cơ sở xử lý CTRSH.

- Rà soát, đánh giá thực trạng và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực trong công tác quản lý CTRSH; tăng cường phát triển nguồn nhân lực đảm bảo yêu cầu quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh.

- Ban hành quy định cụ thể về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo phân cấp của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Xây dựng và ban hành hướng dẫn tự phân loại, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các hộ gia đình thuộc khu vực chưa thực hiện thu gom CTRSH để xử lý tập trung.

- Rà soát, điều chỉnh, xây dựng, nâng cấp mạng lưới thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; duy trì nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ tự quản bảo vệ môi trường, tăng cường vai trò giám sát môi trường của cộng đồng dân cư.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp chính quyền, vai trò tham mưu, phối hợp thực hiện của các ngành chức năng và các tổ chức chính trị xã hội cấp tỉnh trong thực hiện Đề án. Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm quán triệt nội dung của Đề án, đưa các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án vào chương trình, kế hoạch của các cấp, các ngành, đơn vị để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động quản lý chất thải, bao gồm cả nội dung thanh tra trách nhiệm quản lý nhà nước về quản lý chất thải của cấp huyện, cấp xã; đồng thời nâng cao năng lực kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước.

3. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị

- Đảm bảo kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo công nghệ phù hợp tại khu chôn lấp, xử lý CTRSH tập trung quy mô cụm xã đã được phê duyệt quy hoạch xây dựng; đầu tư trang thiết bị đảm bảo cho hoạt động tập kết, thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH và phân loại, tái sử dụng, tái chế và xử lý rác thải nhựa.

- Rà soát mạng lưới thu gom, tuyến vận chuyển, cơ sở xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh và tổ chức lập quy hoạch chi tiết xây dựng các khu xử lý rác cho các cụm xã, đảm bảo CTRSH được thu gom xử lý đúng quy định; rà soát, lập danh sách các dự án thu gom, xử lý chất thải cấp tỉnh, cấp huyện và liên xã; các dự án ưu tiên đầu tư đến năm 2025 để bố trí nguồn kinh phí đầu tư.

- Đầu tư hạ tầng đáp ứng cho việc tập kết, vận chuyển CTRSH và phân loại chất thải nhựa tại nguồn đảm bảo hiệu quả cho công tác tái sử dụng, tái chế và xử lý; huy động nguồn lực trong xã hội tham gia hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.

- Năm 2022, hoàn thành các thủ tục về quy hoạch, xây dựng hạ tầng để mời gọi đầu tư dự án xử lý rác đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và phù hợp với điều kiện của tỉnh.

- Đầu tư hạ tầng đồng bộ để triển khai phân loại rác tại nguồn đảm bảo phù hợp với công nghệ xử lý tại khu xử lý rác tập trung (thực hiện làm điểm tại 03 phường: Tân Quang, Phan Thiết, Minh Xuân)

4. Giảm thiểu phát sinh CTRSH, phân loại rác thải nhựa

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh chỉ đạo thực hiện giảm phát thải rác thải, giảm sử dụng túi ni lông và sản phẩm nhựa sử dụng một lần, đặc biệt tại các cuộc họp, hội nghị, hội thảo và các hoạt động khác của cơ quan, đơn vị, cụ thể:

+ Không sử dụng nước uống đóng chai nhựa (có thể tích 330ml - 500ml) trong công sở và khi tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo và các hoạt động ngoài trời chuyển sang sử dụng các bình nước thể tích lớn (> 20 lít) hoặc sử dụng các bình thủy tinh, cốc đựng nước bằng giấy...và các vật liệu khác thân thiện với môi trường.

+ Không sử dụng cốc nhựa, ống hút nhựa và giảm tối đa việc sử dụng túi ni lông khó phân hủy trong các hoạt động mua sắm, vận chuyển tại cơ quan, nơi làm việc.

- Phát động phong trào cán bộ, công chức, viên chức vận động người thân cùng tham gia bảo vệ môi trường với khẩu hiệu “Tuyên Quang chung tay xử lý rác thải và chống rác thải nhựa”.

- Các Hiệp hội, cộng đồng doanh nghiệp, các siêu thị, chuỗi nhà hàng, khách sạn trên địa bàn tỉnh cam kết chung tay cùng toàn xã hội nỗ lực giảm thiểu rác thải bằng các hành động thiết thực như: khuyến khích thành lập hội, nhóm nói không với túi ni lông, các sản phẩm nhựa sử dụng một lần; đẩy mạnh hoạt động thu hồi, tái chế rác thải, tái sử dụng túi ni lông, sản phẩm nhựa sử dụng một lần;

các hiệp hội vận động các cửa hàng, siêu thị, chuỗi nhà hàng, khu du lịch, dịch vụ, khách sạn... hạn chế, tiến tới không sử dụng túi ni lông, sản phẩm nhựa sử dụng một lần, tuyên truyền, vận động khuyến khích người tiêu dùng, sử dụng túi đựng có thể sử dụng nhiều lần, sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường và nói không với túi ni lông.

- Vận động thực hiện mô hình khuyến khích các hình thức giảm thiểu phát thải CTRSH và sử dụng các sản phẩm thay thế sản phẩm nhựa sử dụng một lần và túi ni lông khó phân hủy trong hoạt động của các doanh nghiệp: trong khu công nghiệp; khu du lịch, danh lam thắng cảnh, nhà hàng, khách sạn,...; trong các hoạt động sản xuất nông nghiệp; hoạt động của bến xe, đơn vị kinh doanh xe khách,...

- Khuyến khích sử dụng sản phẩm tái chế từ chất thải trong đầu tư xây dựng các công trình công cộng.

- Xây dựng và triển khai mô hình phân loại, tách riêng chất thải nhựa và túi nilon khó phân hủy ra khỏi CTRSH tại các đô thị (các thị trấn, các phường), trung tâm các xã, các cơ quan, đơn vị, trung tâm thương mại, dịch vụ,... trường học từ năm 2021 và thực hiện rộng khắp trên địa bàn tỉnh từ năm 2025.

5. Đầu tư hạ tầng, cơ sở thu gom, xử lý CTRSH cho khu vực nông thôn

- Xây dựng nhà máy xử lý rác quy mô vùng trong tỉnh; rà soát quy hoạch mạng lưới thu gom, tuyến vận chuyển, cơ sở xử lý phù hợp với từng giai đoạn đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường.

- Kiện toàn tổ chức, duy trì mạng lưới thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt (mô hình tổ tự quản) hiện có tại các huyện, xã, thị trấn.

- Quy hoạch chi tiết xây dựng 15 khu xử lý rác thải sinh hoạt tập trung; xây dựng 203 điểm tập kết tạm CTRSH (điểm trung chuyển), có diện tích từ 100m² trở lên; huy động trên 43 nghìn hộ dân khu vực nông thôn xây dựng bể tự xử lý rác thải tại hộ gia đình.

- Rà soát, hỗ trợ đầu tư bổ sung phương tiện, thiết bị phù hợp với hoạt động thu gom, vận chuyển của địa phương như: Thùng chứa rác, xe gom rác tại các vùng nông thôn và đặc biệt quan tâm tới điều kiện cần thiết (bể xử lý; tài liệu hướng dẫn tự xử lý chất thải) để người dân xử lý rác thải tại các hộ gia đình.

- Quy hoạch, thiết lập các điểm tập kết, trung chuyển rác thải tại các xã để thực hiện thu nạp trước khi đưa về khu xử lý chất thải rắn tập trung để xử lý.

- Xóa bỏ các điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt tự phát tại các khu vực công cộng (ven đường giao thông, ao, hồ, kênh, mương, xử lý rác thải trên lòng hồ Thủy điện Tuyên Quang khu vực giáp tỉnh Hà Giang,...), chấm dứt tình trạng vứt rác thải sinh hoạt không đúng nơi quy định.

6. Về khoa học công nghệ

- Đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học kỹ thuật về công nghệ xử lý rác thải; lựa chọn, tổ chức triển khai mô hình xử lý CTRSH phù hợp, hiệu quả và nhân rộng các mô hình hiệu quả trên địa bàn toàn tỉnh.

- Tập trung nghiên cứu công nghệ xử lý CTRSH đối với khu dân cư không tập trung, vùng sâu, vùng xa phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương góp phần bảo vệ môi trường.

- Đa dạng hóa nguồn lực cho nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, chuyên gia công nghệ xử lý CTRSH, công nghệ tái chế, thu hồi các sản phẩm từ rác thải và chất thải nhựa.

- Nghiên cứu và ứng dụng các chỉ tiêu, tiêu chuẩn trong việc lựa chọn công nghệ, thiết kế, xây dựng và vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn; nghiên cứu ứng dụng công nghệ trong quản lý, xử lý chất thải; công nghệ sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường thay thế túi ni lông và các sản phẩm nhựa sử dụng một lần.

7. Nguồn lực tài chính

- Ngân sách địa phương, nguồn hỗ trợ từ ngân sách trung ương; vốn vay từ các tổ chức tín dụng, Quỹ bảo vệ môi trường; huy động nguồn lực trong xã hội tham gia và các nguồn vốn hợp pháp khác, bảo đảm thực hiện các mục tiêu của Đề án.

- Ưu tiên cân đối, bố trí nguồn vốn sự nghiệp bảo vệ môi trường hỗ trợ cho các hoạt động phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải trong kế hoạch ngân sách hàng năm.

8. Hợp tác trong công tác xử lý CTRSH và chống rác thải nhựa

- Tăng cường trao đổi, học tập kinh nghiệm trong quản lý, đầu tư nhà máy xử lý chất thải với các tỉnh đã triển khai có hiệu quả dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt; kiểm soát ô nhiễm môi trường do sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần và túi ni lông khó phân hủy.

- Tiếp nhận hỗ trợ tài chính, kỹ thuật, chuyên gia công nghệ xử lý chất thải và tái chế chất thải nhựa khó phân hủy sử dụng một lần và túi ni lông khó phân hủy.

III. LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN.

1. Năm 2022

- Duy trì và nâng cao chất lượng công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải tại tất cả khu dân cư ở đô thị và khu dân cư tập trung ở nông thôn đang thực hiện.

- Tổ chức tuyên truyền, tập huấn, phổ biến phát tờ rơi có nội dung hướng dẫn công tác phân loại, thu gom rác thải sinh hoạt và chống rác thải nhựa trong cộng đồng dân cư; tổ chức tập huấn, hướng dẫn phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn (*phân loại tách chất thải nhựa không để lẫn với rác thải*) cho cán bộ môi trường cấp huyện, địa chính xã, các tổ chức đoàn thể, các đơn vị thu gom, vận chuyển rác trên địa bàn và người dân. Hướng dẫn tự xử lý rác đối với các hộ dân sinh sống tại các vùng dân cư phân tán, không tập trung.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung quy hoạch các điểm tập trung, trạm trung chuyển rác thải sinh hoạt để thực hiện thu nạp trước khi đưa về các khu xử lý tập trung đáp ứng yêu cầu vệ sinh môi trường (67 điểm).

- Xây dựng thí điểm 01 điểm trung chuyển (ép rác) tại phường Tân Quang của thành phố Tuyên Quang.
- Đầu tư xây dựng, nâng cấp 03 khu xử lý rác thải sinh hoạt hợp vệ sinh (hoặc lò đốt rác thải) tại các huyện Chiêm Hóa, Hàm Yên, Sơn Dương.
- Rà soát, xóa bỏ các điểm tập kết rác thải sinh hoạt tự phát tại các khu vực công cộng không đảm bảo vệ sinh môi trường (ven đường giao thông, ao, hồ, kênh, mương,...), chấm dứt tình trạng vứt rác thải sinh hoạt bừa bãi trên địa bàn.
- Sắp xếp đưa hướng dẫn phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt và chống rác thải nhựa vào chương trình giảng dạy của các trường học với nội dung và hình thức phù hợp.
- Triển khai mô hình thí điểm thực hiện phân loại, thu gom chất thải nhựa và túi ni lông khó phân hủy tại các khu, điểm du lịch, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử và các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch,...trên địa bàn tỉnh.
- Giám sát hoạt động xử lý rác thải sinh hoạt và phân loại chất thải nhựa tại các khu xử lý, đánh giá hiệu quả công tác phân loại và xử lý rác thải sinh hoạt.
- Lập quy hoạch khu xử lý rác thải sinh hoạt tập trung đảm bảo vệ sinh môi trường tại các huyện và có tuổi thọ trên 20 năm, (08 khu).
- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường, kiểm tra đánh giá hiệu quả hoạt động tự xử lý thải tại hộ gia đình khu vực nông thôn chưa thực hiện thu gom, vận chuyển về khu xử lý tập trung.
- Phê duyệt các bước trình tự thủ tục đầu tư ký kết hợp đồng với nhà đầu tư tạo mọi điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư thi công xây dựng nhà máy xử lý rác thải với công nghệ tiên tiến tại khu xử lý rác thải xã Nhữ Khê.

2. Năm 2023

- Tiếp tục duy trì, khuyến khích đầu tư mở rộng địa bàn hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải tại tất cả các khu dân cư trên địa bàn toàn tỉnh.
- Tiếp tục đầu tư xây dựng, phát triển mạng lưới các điểm tập kết, trạm trung chuyển rác thải sinh hoạt đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị và vệ sinh môi trường (50 điểm).
- Xây dựng thí điểm 02 điểm trung chuyển (ép rác) tại phường Phan Thiết và phường Minh Xuân của thành phố Tuyên Quang.
- Đầu tư xây dựng, nâng cấp 02 khu xử lý rác thải sinh hoạt hợp vệ sinh (hoặc lò đốt rác thải) tại các huyện Na Hang, Lâm Bình.
- Lập quy hoạch khu xử lý rác thải sinh hoạt tập trung đảm bảo vệ sinh môi trường tại các huyện và có tuổi thọ trên 20 năm, (02 khu).
- Tăng cường công tác tuyên truyền thực hiện các biện pháp giảm thiểu tại nguồn, tăng cường phân loại, tái chế, tái sử dụng rác thải góp phần bảo vệ môi trường.

- Vận hành thử nghiệm, đánh giá nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ tiên tiến trước khi nghiệm thu đưa vào hoạt động.

3. Năm 2024

- Tiếp tục duy trì, khuyến khích đầu tư mở rộng địa bàn hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải tại các khu dân cư trên địa bàn toàn tỉnh.

- Xã hội hóa việc đầu tư phương tiện, thiết bị (xe thu gom, xe vận chuyển) phục vụ công tác thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.

- Lập quy hoạch khu xử lý rác thải sinh hoạt tập trung đảm bảo vệ sinh môi trường tại các huyện và có tuổi thọ trên 20 năm, (02 khu).

- Tiếp tục đầu tư xây dựng, phát triển mạng lưới các điểm tập kết, trạm trung chuyển rác thải sinh hoạt đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị và vệ sinh môi trường (46 điểm).

- Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức về giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng và phân loại rác nhựa tại nguồn, chống rác thải nhựa trên địa bàn tỉnh.

4. Năm 2025

- Tiếp tục duy trì, khuyến khích đầu tư mở rộng địa bàn hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải tại tất cả các khu dân cư trên địa bàn toàn tỉnh.

- Xã hội hóa việc đầu tư phương tiện, thiết bị (xe thu gom, xe vận chuyển) phục vụ công tác thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng, phát triển mạng lưới các điểm tập kết, trạm trung chuyển rác thải sinh hoạt đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị và vệ sinh môi trường (40 điểm).

- Lập quy hoạch khu xử lý rác thải sinh hoạt tập trung đảm bảo vệ sinh môi trường tại các huyện và có tuổi thọ trên 20 năm (03 khu).

- Đánh giá các mô hình thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn tỉnh, tìm kiếm mô hình hoạt động hiệu quả để phổ biến, nhân rộng áp dụng; đánh giá hoạt động tự xử lý rác thải tại khu vực nông thôn dân cư sống phân tán và hiệu quả của các điểm tập kết trung chuyển rác thải khu vực nông thôn về các khu xử lý tập trung.

- Tổ chức tổng kết việc thực hiện Đề án.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí thực hiện Đề án: **608.048,39 triệu đồng**, trong đó:

(theo Phụ biểu số 01)

4.1. Kinh phí từ ngân sách nhà nước và Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh: 273.250,87 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện dự án, nhiệm vụ ưu tiên: **28.890,0 triệu đồng.**

- Đầu tư xây dựng hạ tầng phân loại, tập kết, thu gom, xử lý CTRSH khu vực nông thôn: **39.273,0 triệu đồng.**

- Kinh phí thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH về nơi xử lý tập trung: **205.087,87 triệu đồng.**

4.2. Kinh phí từ nguồn xã hội hóa là: 334.797,53 triệu đồng.

- Kinh phí đầu tư xây dựng 03 nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt: **280.000,00 triệu đồng.**

- Kinh phí thực hiện dự án, nhiệm vụ ưu tiên đầu tư thiết bị, phương tiện thu gom vận chuyển RTSH: **10.500,00 triệu đồng.**

- Kinh phí thu gom vận chuyển chất thải sinh hoạt (thu giá dịch vụ): **44.297,53 triệu đồng.**

(Chi tiết danh mục và phân nguồn theo biểu kinh phí triển khai, thực hiện dự án và Phụ biểu số 02, 03, 04 đính kèm)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, các đơn vị liên quan phổ biến tuyên truyền, hướng dẫn, đôn đốc; thanh tra, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Đề án đảm bảo tiến độ, mục tiêu đề ra; định kỳ hằng năm tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Sau 05 năm thực hiện, tiến hành sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án và xây dựng lộ trình, đề xuất điều chỉnh Đề án (nếu cần thiết) để triển khai thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030.

- Chủ trì hướng dẫn về chuyên môn, tổng hợp xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ và tổng hợp dự toán chi sự nghiệp môi trường của các cơ quan, đơn vị, địa phương; phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường thực hiện Đề án theo quy định; là cơ quan đầu mối hướng dẫn về chuyên môn, tổng hợp xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ và tổng hợp dự toán chi sự nghiệp môi trường của các cơ quan, đơn vị gửi cơ quan tài chính xem xét, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, các đơn vị liên quan trong quá trình xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở xử lý CTRSH; hướng dẫn các chủ đầu tư, địa phương thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ xử lý CTRSH; hướng dẫn phân loại, thu gom và xử lý rác hữu cơ tại hộ gia đình. Tham mưu ban hành quy định cụ thể về quản lý chất thải rắn trên địa bàn.

- Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

- Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường thực hiện Đề án theo quy định.

- Hằng năm, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện Đề án báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng hướng dẫn các hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo thu hồi được các sản phẩm nhựa, túi ni lông thải bỏ để tái chế, tái sử dụng.

- Hướng dẫn lập, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các dự án đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn theo các hình thức đầu tư phù hợp, tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng và giám sát, kiểm tra thực hiện.

- Xây dựng đơn giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH đối với các khu vực không sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

- Ban hành hướng dẫn việc lựa chọn, bố trí hạ tầng kỹ thuật đối với các điểm tập kết, khu xử lý CTRSH đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc xác định vị trí xây dựng công trình xử lý CTRSH. Thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các dự án đầu tư thực hiện Đề án theo thẩm quyền.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường từ NSNN để triển khai thực hiện các nội dung của Đề án.

- Chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan thẩm định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải; giá dịch vụ xử lý rác thải sinh hoạt theo quy định của pháp luật. Cân đối nguồn lực ngân sách địa phương và nguồn lực khác trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt để thực hiện Đề án.

- Chủ trì thẩm định tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành giá dịch vụ xử lý CTRSH không sử dụng ngân sách nhà nước do Tổ chức, doanh nghiệp đề nghị.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách thu hút, xã hội hóa đầu tư về công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt; xây dựng cơ chế hỗ trợ cho cấp huyện, các tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện công tác thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan cân đối và phân bổ kinh phí từ ngân sách nhà nước (sự nghiệp môi trường) để thực hiện đề án.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Tuyên Quang và các cơ quan thông tin đại chúng tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng về công tác vệ sinh môi trường nông thôn; tuyên truyền thông qua hệ thống panô, áp phích, tờ rơi về công tác vệ sinh môi trường tại các tuyến đường, nơi công cộng. Chỉ đạo, hướng dẫn các Đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện và hệ thống Đài Truyền thanh cấp xã dành thời lượng để tuyên truyền tại địa phương.

- Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục; tăng cường tin bài, phóng sự thông tin, tuyên truyền về tác hại của rác thải và chất thải nhựa, túi ni lông khó phân hủy đối với môi trường và khuyến khích sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường. Thường xuyên thông tin công tác triển khai thực hiện của các đơn vị trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc lựa chọn công nghệ xử lý rác thải sinh hoạt tại các khu xử lý tập trung và các biện pháp xử lý tại chỗ của các khu dân cư không tập trung. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất mô hình thu gom, phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt hiệu quả để nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp thẩm định, tham gia ý kiến về công nghệ dự án đầu tư xử lý CTRSH trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án mới.

7. Sở Y tế

- Tổ chức triển khai thực hiện Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong khuôn viên cơ sở y tế; Chỉ thị số 08/CT-BYT ngày 29/7/2019 của Bộ Y tế về giảm thiểu chất thải nhựa trong ngành y tế.

- Tổ chức thực hiện phân định, phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải y tế nguy hại đúng với quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tổ chức tuyên truyền, vận động đăng ký tham gia thực hiện phong trào “Chống rác thải nhựa” tại các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo lĩnh vực được phân công quản lý; tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuốc, nước uống đóng chai; tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát (các nhà hàng, quán bia, giải khát, quán cà phê, đồ ăn nhanh...) gắn với các đợt kiểm tra an toàn thực phẩm.

- Chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh từ năm 2022, thực hiện phân loại riêng chất thải nhựa không để lẫn trong rác thải.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì biên soạn tài liệu địa phương trong chương trình giáo dục phổ thông có các nội dung giáo dục về môi trường trong đó có các nội dung quản lý rác thải và chống rác thải nhựa và chương trình của các cấp học đáp ứng với tình hình mới.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy trong các hoạt động hội, họp, sự kiện của đơn vị; từ năm 2022, triển khai thực hiện phân loại riêng chất thải nhựa không để lẫn trong rác thải.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trong ngành, các khu, điểm du lịch, khu di tích, cơ sở tín ngưỡng treo các biển hiệu tuyên truyền về bảo vệ môi trường, phân loại rác thải với khẩu hiệu “Chống rác thải nhựa”, “Nói không với sản phẩm nhựa sử dụng một lần”, “Hạn chế sử dụng túi ni lông khó phân hủy” ở những khu vực thích hợp. Không sử dụng túi ni lông khó phân hủy và nước đóng chai nhựa sử dụng một lần, cốc nhựa, ống hút nhựa trong việc tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch.

10. Ban Quản lý các Khu du lịch tỉnh Tuyên Quang

- Tổ chức thực hiện việc treo các biển hiệu tuyên truyền về bảo vệ môi trường “Chống rác thải nhựa”, “Nói không với sản phẩm nhựa sử dụng một lần”, “Hạn chế sử dụng túi ni lông khó phân hủy” ở những khu vực như: khu vực bán vé, nơi để xe, nơi bán hàng... thực hiện phân loại rác thải nhựa, tuyên truyền hạn chế sử dụng túi ni lông khó phân hủy và các sản phẩm nhựa sử dụng một lần.

- Phối hợp thực hiện nội dung tuyên truyền về phong trào chống rác thải nhựa, hoàn thành ký bản cam kết đối với các nhà hàng, khách sạn thuộc địa bàn quản lý; tổ chức khảo sát các đơn vị kinh doanh nhà hàng, cơ sở lưu trú về tình hình sử dụng các sản phẩm từ nhựa và giúp các doanh nghiệp triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ để chống rác thải nhựa; nắm tình hình khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện của các đơn vị kinh doanh nhà hàng, cơ sở lưu trú trên địa bàn về thực hiện chống rác thải nhựa để tổng hợp, đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

11. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Trong đó, xem xét phân bổ kinh phí cho các xã, huyện để thực hiện tiêu chí về môi trường nhất là việc thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH tại các khu vực nông thôn.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, tuyên truyền các tổ chức, cá nhân về việc thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y sau sử dụng theo Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 19/5/2016 giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.

12. Sở Giao thông Vận tải

Chỉ đạo Ban quản lý các bến xe, bến thuyền, các xe bus, các phương tiện giao thông đường bộ và đường thủy trên địa bàn tỉnh tuyên truyền về bảo vệ môi trường phát động phong trào “Nói không với sản phẩm nhựa sử dụng một lần”, “Hạn chế sử dụng túi ni lông khó phân hủy” nhằm tuyên truyền việc hạn chế sử dụng túi ni lông khó phân hủy và các sản phẩm nhựa sử dụng một lần trên các phương tiện giao thông, tại các bến xe, bến tàu.

13. Công an tỉnh

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tăng cường công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các sơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, xử lý chất thải, tái chế xử lý chất thải nhựa và túi ni lông khó phân hủy.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, chủ động triển khai các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục của Kế hoạch. Đồng thời phối hợp với các cơ quan để triển khai các nhiệm vụ liên quan.

14. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

- Phối hợp chỉ đạo các đơn vị quân sự trên địa bàn tỉnh thường xuyên tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, chiến sỹ về bảo vệ môi trường, phân loại xử lý rác thải sinh hoạt và tác hại của túi ni lông và chất thải nhựa; hạn chế tối đa việc sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần và túi ni lông khó phân hủy, cụ thể: không dùng sản phẩm nhựa sử dụng một lần (nước uống đóng chai nhựa có thể tích 330ml - 500ml, cốc nhựa, ống hút nhựa) chuyển sang sử dụng các bình nước thể tích lớn (> 20 lít) hoặc sử dụng các bình thủy tinh...và các vật liệu khác thân thiện với môi trường.

- Triển khai tới các đơn vị quân sự trên địa bàn tỉnh thực hiện phân loại chất thải nhựa tại nguồn, thu gom, chuyển giao cho các đơn vị có đủ chức năng tái chế chất thải nhựa đảm bảo vệ sinh môi trường.

15. Hiệp hội Doanh nghiệp, Liên minh Hợp tác xã tỉnh Tuyên Quang

- Kêu gọi thành viên, các đơn vị, hợp tác xã tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, tham gia phân loại rác thải tại nguồn, tuân thủ pháp luật về thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt; thường xuyên vận hành các công trình bảo vệ môi trường, đảm bảo các nguồn thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Phát động phong trào “Chống rác thải nhựa”, “Nói không với sản phẩm nhựa sử dụng một lần”, “Hạn chế sử dụng túi ni lông khó phân hủy” tại trụ sở, văn phòng làm việc của các Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh từ năm 2021; vận động lãnh đạo các Doanh nghiệp trong hiệp hội, trong liên minh hợp tác xã thực hiện ký bản cam kết hạn chế sử dụng các sản phẩm nhựa sử dụng một lần và túi ni lông khó phân hủy trong hoạt động hằng ngày và các sự kiện của thành viên.

16. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nội dung Đề án tại địa phương; chỉ đạo, hướng dẫn cấp xã tổ chức thành lập các tổ, đội thu gom rác thải, xây dựng các điểm tập kết, trung chuyển rác thải sinh hoạt đưa vào hoạt động theo đúng lộ trình, kế hoạch đã được phê duyệt.

- Ban hành tiêu chí, điều kiện được hỗ trợ kinh phí xây dựng bể lý rác thải; tổ chức đánh giá, nghiệm thu và hộ trợ đối với những trường đáp ứng tiêu chí, điều kiện được hỗ trợ theo quy định.

- Hàng năm, xây dựng kế hoạch, kinh phí triển khai các nhiệm vụ theo lộ trình của Đề án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

- Giao trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý, thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã, Khu dân cư chịu trách nhiệm quản lý, thu gom tập kết rác thải phát sinh trên địa bàn và tập kết tại nơi quy định của địa phương.

- Khẩn trương xây dựng, trình thẩm định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt để tổ chức thu theo quy định. Ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện đề án, kinh phí vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt hằng năm.

- Rà soát, phê duyệt quy hoạch các điểm, khu vực tập kết rác thải sinh hoạt của địa phương. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn xóa bỏ các điểm tập kết, tồn lưu rác thải sinh hoạt không đúng quy định, chấm dứt tình trạng xả rác thải sinh hoạt bừa bãi trên địa bàn.

- Tuyên truyền, giám sát và hướng dẫn biện pháp xử lý rác thải đảm bảo môi trường đối với các khu dân cư không tập trung, vùng sâu, vùng xa theo hướng dẫn của cấp trên.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm đối với các hành vi vi phạm về quản lý CTRSH, nhất là các hành vi vứt, thải, bỏ CTRSH không đúng nơi quy định; các hành vi thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH không đúng quy định theo quy định.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn:

+ Xây dựng, ban hành quy định cụ thể về trách nhiệm, nghĩa vụ của các tổ chức, hộ gia đình trong việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường lồng ghép trong quy ước, hương ước của các làng, thôn, bản, vận động nhân dân tích cực tham gia bảo vệ môi trường, đưa công tác bảo vệ môi trường trở thành một trong những tiêu chí quan trọng để xét công nhận gia đình văn hóa, các thôn, khu phố, khu dân cư văn hóa. Định kỳ, hằng năm Ủy ban nhân dân cấp xã, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể đánh giá phong trào quần chúng về công tác bảo vệ môi trường, biểu dương, khen thưởng những tổ chức cá nhân có tích xuất sắc trong bảo vệ môi trường.

+ Thực hiện quản lý CTRSH trên địa bàn xã, khu dân cư và tập kết tại nơi quy định của địa phương; tổ chức thông tin, tuyên truyền về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn, nâng cao nhận thức cho người dân về trách nhiệm của người xả thải phải trả tiền dịch vụ để xử lý môi trường, phục vụ đời sống nhân dân.

17. Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang

Hỗ trợ kinh phí từ nguồn vốn Quỹ Bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành của Nhà nước để triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Đề án.

18. Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

Phối hợp với các Sở, ban, ngành của tỉnh cập nhật thông tin, tổ chức thực hiện các phóng sự, tin ngắn, chuyên mục, chuyên đề phát về các nội dung trong Đề án nhằm tuyên truyền, giáo dục các tổ chức, đơn vị, cộng đồng dân cư cùng chung tay “xử lý rác thải và chống rác thải nhựa”.

19. Các cơ quan, đơn vị liên quan khác

Căn cứ các chương hình, nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Đề án này, các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao; quản lý, sử dụng, thanh, quyết toán nguồn kinh phí được giao theo quy định, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ và mục tiêu của Đề án.

20. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Mặt trận Tổ quốc và các Tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở là lực lượng nòng cốt phối hợp với chính quyền trong việc tuyên truyền, vận động thực hiện. Thực hiện vai trò giám sát, phản biện xã hội; vận động thực hiện phong trào "Tuyên Quang chung tay xử lý rác thải và chống rác thải nhựa"; phong trào "Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch"; phong trào "Chủ nhật xanh", "Ngôi nhà xanh"; "Tuổi trẻ học đường chung tay chống rác thải nhựa", gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"; chủ trì, phối hợp tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện và xây dựng các mô hình tự quản tại cộng đồng dân cư.

- Tổ chức giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH và phân loại chất thải nhựa trên địa bàn.

21. Các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH

- Các đơn vị thu gom, vận chuyển CTRSH phải có phương án tổ chức sản xuất phù hợp, đầu tư trang thiết bị thu gom, vận chuyển rác thải đảm bảo thu gom triệt để rác thải phát sinh trên địa bàn, không để rác thải tồn đọng tại các khu dân cư gây ô nhiễm môi trường.

- Các đơn vị quản lý, vận hành khu xử lý CTRSH phải xây dựng phương án cải tạo, khắc phục ô nhiễm tại các khu xử lý CTR sinh hoạt đang vận hành.

- Các doanh nghiệp đầu tư các khu xử lý CTRSH phải có đầy đủ thủ tục, hồ sơ về môi trường gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, xác nhận, phê duyệt. Xây dựng phương án giá dịch vụ xử lý, trình Sở Tài chính thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

22. Các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân phát sinh CTRSH

- Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý CTRSH; thu gom toàn bộ lượng CTRSH phát sinh từ hoạt động của gia đình, đơn vị mình; thực hiện phân loại tại nguồn theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

- Tập kết rác thải đúng nơi quy định, không được xả, vứt rác thải bừa bãi ra các khu vực công cộng.

- Tích cực tham gia các mô hình về phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH; mô hình xây dựng cảnh quan môi trường Khu dân cư để góp phần bảo vệ môi trường nơi sinh sống.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ về thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH của địa phương.

VI. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Căn cứ chương trình, nhiệm vụ, dự án đã được phê duyệt tại Đề án này, các đơn vị xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao; quản lý, sử dụng, thanh, quyết toán nguồn kinh phí được giao theo quy định, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ và mục tiêu của Đề án.

2. Nguồn kinh phí thực hiện: từ nguồn ngân sách địa phương, nguồn hỗ trợ từ ngân sách trung ương; vốn vay từ các tổ chức tín dụng, Quỹ bảo vệ môi trường và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

3. Chế độ báo cáo

- Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ gửi báo cáo kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm (trước ngày 15/6) và cả năm (trước ngày 15/12) về Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm (trước ngày 30/6) và cả năm (trước ngày 31/12).

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp cần sửa đổi, bổ sung những nội dung, nhiệm vụ cụ thể của Đề án này, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các Sở, ban, ngành của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực UB MTTQ và các Đoàn thể tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Chuyên viên KS;
- Lưu: VT, (Đ).

(Báo cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thế Giang

Phụ biểu số 01: Tổng hợp kinh phí thực hiện Đề án "Tăng cường quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chống rác thải nhựa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh)

STT	Chương trình, dự án, nhiệm vụ	Tổng kinh phí thực hiện		
		Tổng	NSNN và Quỹ BVMT tỉnh	Xã hội hóa
1	Nhóm nhiệm vụ/dự án/kế hoạch liên quan đến công tác tuyên truyền	2.830,00	2.830,00	
2	Nhóm nhiệm vụ/dự án/kế hoạch liên quan đến cơ chế, chính sách	350,00	350,00	
3	Nhóm nhiệm vụ/dự án/kế hoạch nâng cao năng lực tổ chức, quản lý	910,00	910,00	
4	Nhóm nhiệm vụ/dự án/kế hoạch liên quan đến quy hoạch, đầu tư xây dựng	308.000,00	17.500,00	290.500,00
5	Nhóm nhiệm vụ/dự án/kế hoạch liên quan đến các sáng kiến, mô hình	7.300,00	7.300,00	
6	Đầu tư xây dựng điểm tập kết, trung chuyển rác	10.150,00	10.150,00	
7	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu xử lý rác thải sinh hoạt	7.500,00	7.500,00	
8	Hỗ trợ hộ gia đình ở phân tán xử lý rác thải tại chỗ	21.623,00	21.623,00	
9	Kinh phí thu gom, vận chuyển CTRSH	167.282,50	122.984,98	44.297,53
10	Kinh phí xử lý CTRSH tập trung	82.102,89	82.102,89	
	Tổng cộng	608.048,39	273.250,87	334.797,53

Phụ biểu số 02: Danh sách một số dự án, nhiệm vụ, kế hoạch ưu tiên triển khai thực hiện đến năm 2025
(Kèm theo Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

T T	Tên nhiệm vụ/dự án/kế hoạch	Sản phẩm	Nhu cầu kinh phí theo giai đoạn				Nguồn vốn			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			2022	2023	2024	2025	Tổng	NSNN và Quỹ BVMT tỉnh	Xã hội hóa		
I	Nhóm nhiệm vụ/dự án/kế hoạch liên quan đến công tác tuyên truyền						2.830	2.830	0		
1	Tuyên truyền nâng cao nhận thức về giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng, phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn và chống rác thải nhựa trên địa bàn tỉnh	Kế hoạch hằng năm	200	200	200	200	800	800		Sở Tài nguyên và Môi trường	Các tổ chức chính trị, xã hội; các sở, ban, ngành có liên quan, UBND huyện, thành phố
2	Tổ chức tuyên truyền, tập huấn, phổ biến công tác thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt và chống rác thải nhựa trong cộng đồng dân cư (60 triệu/huyện (cả giai đoạn: 7*60*4 = 1.680 triệu)	Nhiệm vụ hằng năm	420	420	420	420	1.680	1.680		UBND cấp huyện	Sở Tài nguyên và Môi trường; Các tổ chức chính trị, xã hội; các sở, ban, ngành có liên quan, UBND huyện, thành phố
3	Xây dựng nội dung và đưa chương trình giáo dục về thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt và chống rác thải nhựa vào chương trình giảng dạy ngoại khóa ở các cấp học	Nhiệm vụ	150				150	150		Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ban, ngành có liên quan

T T	Tên nhiệm vụ/dự án/kế hoạch	Sản phẩm	Nhu cầu kinh phí theo giai đoạn				Nguồn vốn			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			2022	2023	2024	2025	Tổng	NSNN và Quỹ BVMT tỉnh	Xã hội hóa		
4	Xây dựng chuyên mục tuyên truyền về bảo vệ môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng	Nhiệm vụ	50	50	50	50	200	200		Báo Tuyên Quang; Đài PTTT Tuyên Quang	Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ban, ngành có liên quan, UBND huyện, thành phố
II	Nhóm nhiệm vụ/dự án/kế hoạch liên quan đến cơ chế, chính sách						350	350	0		
1	Tiêu chí công nghiệp, môi trường, xã hội, năng lực nhà đầu tư nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt quy mô vùng trong tỉnh.	Tiêu chí								Sở Tài nguyên và môi trường	Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và đầu tư; UBND các huyện, thành phố có liên quan
2	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh (<i>thay thế quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 02/12/2017 của UBND</i>)	Quyết định								Sở Tài nguyên và môi trường	Sở Tài chính, các Sở, Ban, Ngành có liên quan; UBND huyện, thành phố.
3	Xây dựng hướng dẫn phân loại và tự xử lý rác thải sinh hoạt tại chỗ (Biên tập, soạn thảo hướng dẫn In phát cho thôn,	Nhiệm vụ	350				350	350		Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành có liên quan, UBND huyện, thành phố
III	Nhóm nhiệm vụ/dự án/kế hoạch nâng cao năng lực tổ chức, quản lý						910	910	0		

T T	Tên nhiệm vụ/dự án/kế hoạch	Sản phẩm	Nhu cầu kinh phí theo giai đoạn				Nguồn vốn			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			2022	2023	2024	2025	Tổng	NSNN và Quỹ BVMT tỉnh	Xã hội hóa		
1	Đánh giá hiệu quả hoạt động các mô hình thu gom, phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt và chống rác thải nhựa trên địa bàn. Đề xuất UBND tỉnh nhân rộng mô hình đạt hiệu quả	Nhiệm vụ	250				250	250		Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ban, ngành có liên quan, UBND huyện, thành phố
2	Điều tra, đánh giá và đề xuất đầu tư trang thiết bị thực hiện phân loại tách riêng chất thải nhựa và túi ni lông khó phân hủy khỏi chất thải trên địa bàn 80 triệu/huyện (cả giai đoạn: 7*80 = 560 triệu)	Nhiệm vụ	560				560	560		UBND cấp huyện	UBND cấp xã
3	Rà soát, lập danh sách các dự án thu gom, xử lý chất thải cấp tỉnh, cấp huyện và liên xã; các dự án ưu tiên đầu tư trong giai đoạn 2021 - 2025 để đề xuất bố trí nguồn kinh phí	Nhiệm vụ	100				100	100		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, Ngành; UBND cấp huyện
IV	Nhóm nhiệm vụ/dự án/kế hoạch liên quan đến quy hoạch, đầu tư xây dựng						308.000	17.500	290.500		
1	Đầu tư xây dựng bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt hợp vệ sinh (hoặc lò đốt rác thải) tại các huyện (3.500 triệu/khu xử lý (05 khu x 3.500 = 17.500 triệu))	Nhiệm vụ	10.500	7.000			17.500	17.500		UBND cấp huyện	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, UBND các xã

T T	Tên nhiệm vụ/dự án/kế hoạch	Sản phẩm	Nhu cầu kinh phí theo giai đoạn				Nguồn vốn			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			2022	2023	2024	2025	Tổng	NSNN và Quỹ BVMT tỉnh	Xã hội hóa		
2	Đầu tư trang thiết bị, xe thu gom rác, xe vận chuyển chuyên dụng để từng bước thực hiện phân loại, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện đạt quy chuẩn (1.500 triệu/huyện (07*1.500 = 10.500 triệu))	Nhiệm vụ			6.000	4.500	10.500		10.500	UBND các huyện, thành phố	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng
3	Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý CTRSH khu vực thành phố Tuyên Quang và vùng phụ cận		100.000	100.000			200.000		200.000		
4	Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý CTRSH khu vực huyện Sơn Dương		25.000	25.000			50.000		50.000		
5	Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý CTRSH khu vực huyện		15.000	15.000			30.000		30.000		
V	Nhóm nhiệm vụ/dự án/kế hoạch liên quan đến các sáng kiến, mô hình						7.300	7.300	0		
1	Thực hiện thí điểm 03 trạm trung chuyển (ép rác - có xử lý nước rỉ rác tại chỗ) tại ba phường trung tâm của thành phố (2.000 triệu/trạm (cả giai đoạn: 3*2.000 = 6.000 triệu))	Trạm trung chuyển (ép rác - có xử lý nước rỉ rác tại chỗ)	2.000	4.000			6.000	6.000		UBND thành phố Tuyên Quang	Công ty CP DVMT và Quản lý đô thị Tuyên Quang; UBND các phường

T T	Tên nhiệm vụ/dự án/kế hoạch	Sản phẩm	Nhu cầu kinh phí theo giai đoạn				Nguồn vốn			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			2022	2023	2024	2025	Tổng	NSNN và Quỹ BVMT tỉnh	Xã hội hóa		
2	Xây dựng mô hình thực hiện phân loại, thu gom chất thải nhựa và túi ni lông khó phân hủy tại các khu, điểm du lịch, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử và các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch...trên địa bàn tỉnh.	Nhiệm vụ	300				300	300		Ban Quản lý các khu du lịch tỉnh	UBND cấp huyện; UBND cấp xã
3	Xây dựng mô hình các khu dân cư điển hình về thu gom, phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt và chống rác thải nhựa 20 triệu/mô hình (cả giai đoạn 50*20= 1.000 triệu)	Nhiệm vụ	240	240	260	260	1.000	1.000		UBND cấp huyện	Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND cấp xã; cộng đồng dân cư
Tổng cộng			155.120,0	151.910,0	6.930,0	5.430,0	319.390,0	28.890,0	290.500,0		

Phụ biểu số 03: Nhu cầu đầu tư hạ tầng phân loại, tập kết, thu gom, xử lý CTRSH và phân loại rác thải nhựa tại các xã vùng nông thôn

(Kèm theo Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Huyện, thành phố	Đơn vị	Đinh mức hỗ trợ	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Tổng giai đoạn 2022-2025	
				Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí
I	Lâm Bình				1.062.000		462.000		262.000		862.000		2.648.000
1	Đầu tư xây dựng điểm tập kết, trung chuyển rác	điểm m	50.000	6	300.000	4	200.000			2	100.000	12	600.000
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu xử lý rác thải sinh hoạt	khu	500.000	1	500.000					1	500.000	2	1.000.000
3	Hỗ trợ hộ gia đình ở phân tán xử lý rác thải tại chỗ	hộ	500	524	262.000	524	262.000	524	262.000	524	262.000	2.096	1.048.000
II	Na Hang				1.599.500		499.500		499.500		949.500		3.548.000
1	Đầu tư xây dựng điểm tập kết, trung chuyển rác	điểm m	50.000	6	300.000	4	200.000	4	200.000	3	150.000	17	850.000
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu xử lý rác thải sinh hoạt	khu	500.000	2	1.000.000					1	500.000	3	1.500.000
3	Hỗ trợ hộ gia đình ở phân tán xử lý rác thải tại chỗ	hộ	500	599	299.500	599	299.500	599	299.500	599	299.500	2.396	1.198.000
III	Chiêm Hóa				2.766.000		1.266.000		2.116.000		1.516.000		7.664.000
1	Đầu tư xây dựng điểm tập kết, trung chuyển rác	điểm m	50.000	15	750.000	5	250.000	12	600.000			32	1.600.000
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu xử lý rác thải sinh hoạt	khu	500.000	2	1.000.000		0	1	500.000	1	500.000	4	2.000.000
3	Hỗ trợ hộ gia đình ở phân tán xử lý rác thải tại chỗ	hộ	500	2.032	1.016.000	2.032	1.016.000	2.032	1.016.000	2.032	1.016.000	8.128	4.064.000
IV	Hàm Yên				2.476.500		1.997.500		1.362.500		1.788.000		7.624.500
1	Đầu tư xây dựng điểm tập kết, trung chuyển rác	điểm m	50.000	10	500.000	10	500.000	8	400.000	15	750.000	43	2.150.000

STT	Huyện, thành phố	Đơn vị	Đình mức hỗ trợ	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Tổng giai đoạn 2022-2025	
				Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu xử lý rác thải sinh hoạt	khu	500.000	2	1.000.000							2	1.000.000
3	Hỗ trợ hộ gia đình ở phân tán xử lý rác thải tại chỗ	hộ	500	1.953	976.500	2.995	1.497.500	1.925	962.500	2.076	1.038.000	8.949	4.474.500
V	Yên Sơn				2.338.000		2.438.000		2.438.000		1.588.000		8.802.000
1	Đầu tư xây dựng điểm tập kết, trung chuyển rác	điểm m	50.000	10	500.000	12	600.000	12	600.000	5	250.000	39	1.950.000
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu xử lý rác thải sinh hoạt	khu	500.000	1	500.000	1	500.000	1	500.000			3	1.500.000
3	Hỗ trợ hộ gia đình ở phân tán xử lý rác thải tại chỗ	hộ	500	2.676	1.338.000	2.676	1.338.000	2.676	1.338.000	2.676	1.338.000	10.704	5.352.000
VI	Sơn Dương				2.371.500		2.621.500		1.371.500		1.872.000		8.236.500
1	Đầu tư xây dựng điểm tập kết, trung chuyển rác	điểm m	50.000	20	1.000.000	15	750.000			10	500.000	45	2.250.000
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu xử lý rác thải sinh hoạt	khu	500.000			1	500.000					1	500.000
3	Hỗ trợ hộ gia đình ở phân tán xử lý rác thải tại chỗ	hộ	500	2.743	1.371.500	2.743	1.371.500	2.743	1.371.500	2.744	1.372.000	10.973	5.486.500
VII	Thành phố Tuyên Quang								500.000		250.000		750.000
1	Đầu tư xây dựng điểm tập kết, trung chuyển rác	điểm m	50.000					10	500.000	5	250.000	15	750.000
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu xử lý rác thải sinh hoạt	khu	500.000									0	
3	Hỗ trợ hộ gia đình ở phân tán xử lý rác thải tại chỗ	hộ	500									0	
VIII	Cộng toàn tỉnh				12.613.500		9.284.500		8.549.500		8.825.500		39.273.000
1	Đầu tư xây dựng điểm tập kết, trung chuyển rác	điểm m		67	3.350.000	50	2.500.000	46	2.300.000	40	2.000.000	203	10.150.000

STT	Huyện, thành phố	Đơn vị	Đinh mức hỗ trợ	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Tổng giai đoạn 2022-2025	
				Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu xử lý rác thải sinh hoạt	khu		8	4.000.000	2	1.000.000	2	1.000.000	3	1.500.000	15	7.500.000
3	Hỗ trợ hộ gia đình ở phân tán xử lý rác thải tại chỗ	hộ		10.527	5.263.500	11.569	5.784.500	10.499	5.249.500	10.651	5.325.500	43.246	21.623.000

**Phụ biểu số 04: Dự kiến kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH tập trung
trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025**

(Kèm theo Quyết định số 274 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh)

ST T	Dự báo năm phát sinh	Khối lượng được thu gom tập trung (tấn)	Tổng kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý (triệu đồng)	Kinh phí xử lý	Kinh phí thu gom, vận chuyển (triệu đồng)		
					Tổng	NSNN	Xã hội hóa
1	Năm 2022	61.444	46.630,76	8.797,56	37.833,20	27.541,14	10.292,06
2	Năm 2023	66.428	50.339,85	9.548,59	40.791,27	30.098,57	10.692,69
3	Năm 2024	71.494	75.297,06	31.498,72	43.798,35	32.696,97	11.101,37
4	Năm 2025	72.370	77.117,72	32.258,02	44.859,70	32.648,29	12.211,40
	Tổng cộng	271.736	249.385,39	82.102,89	167.282,50	122.984,98	44.297,53

Phụ biểu 5.4. Dự báo khối lượng CTRSH phát sinh và khối lượng được thu gom xử lý tập trung
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STNMT ngày tháng 10/2021 của Sở Tài nguyên và

ST T	Tên huyện, thành phố	Dự báo dân số năm 2024		Dự báo khối lượng CTR sinh hoạt		Dự báo khối lượng CTR sinh hoạt được thu gom xử lý tập trung (tấn/năm)		Kinh p
		(người)		(tấn/năm)		Tỷ lệ thu gom năm 2024		
		Đô thị	Nông thôn	Đô thị	Nông thôn	Đô thị 93%	Nông thôn 45%	Tổng
1	Thành phố Tuyên Quang	64.628	37.918	23.589	4.152	21.938	1.868	14.756.768.056
2	Huyện Chiêm Hóa	9.570	130.691	2.794	14.311	2.599	6.440	5.308.693.670
3	Huyện Hàm Yên	11.510	112.760	3.361	12.347	3.126	5.556	5.099.177.756
4	Huyện Lâm Bình	7913	25.860	2.311	2.832	2.149	1.274	2.010.506.410
5	Huyện Na Hang	8.935	38.532	2.609	4.219	2.426	1.899	2.540.250.620
6	Huyện Yên Sơn	7.578	171.901	2.213	18.823	2.058	8.470	6.183.630.581
7	Huyện Sơn Dương	17.522	176.381	5.116	19.314	4.758	8.691	7.899.318.147
8	Tổng toàn tỉnh	127.656	694.043	41.993	75.998	39.054	34.199	43.798.345.241
		821.699		117.991		73.253		
9	Chia theo ngày			323,3		200,7		

Chú thích:

- Tổng khối lượng CTRSH phát sinh là: 116.547 tấn/năm (tương đương khoảng 319,3 tấn /ngày)
- Khối lượng CTRSH được thu gom xử lý tập trung là: 71.494 tấn/năm (tương đương khoảng 195,9 tấn /ngày)

- Khối lượng CTRSH tự xử lý tại vùng dân cư phân tán là: 45.053 tấn/năm (tương đương với: 103,7 tấn

trên địa bàn tỉnh năm 2024

(Môi trường)

Thu phí thu gom vận chuyển		Dự báo khối lượng CTR sinh hoạt được thu gom xử lý tại chỗ
NSNN	Thu giá dịch vụ	Nông thôn 84%
7.825.983.108	6.930.784.947	3.305
4.629.518.639	679.175.031	6.776
4.347.992.689	751.185.067	5.902
1.570.443.115	440.063.295	1.444
2.029.556.023	510.694.597	2.103
5.544.694.054	638.936.527	8.826
6.748.785.636	1.150.532.511	9.224
32.696.973.264	11.101.371.977	
		37.580
		103,0

103,0

Phụ biểu 5.5. Dự báo khối lượng CTRSH phát sinh và khối lượng được thu gom xử lý tập trung
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STNMT ngày tháng 10/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

ST T	Tên huyện, thành phố	Dự báo dân số năm 2025		Dự báo khối lượng CTR sinh hoạt		Dự báo khối lượng CTR sinh hoạt được thu gom xử lý tập trung (tấn/năm)		Kinh phí
		(người)		(tấn/năm)		Tỷ lệ thu gom năm 2025		
		Đô thị	Nông thôn	Đô thị	Nông thôn	Đô thị 95%	Nông thôn 50%	Tổng
1	Thành phố Tuyên Quang	65.396	38.049	23.870	4.166	22.676	1.875	15.218.285.210
2	Huyện Chiêm Hóa	9.774	131.701	2.854	14.421	2.711	6.490	5.403.986.350
3	Huyện Hàm Yên	11.708	113.636	3.419	12.443	3.248	5.599	5.196.269.059
4	Huyện Lâm Bình	8071	26.001	2.357	2.847	2.239	1.281	2.067.471.286
5	Huyện Na Hang	9.050	38.823	2.643	4.251	2.510	1.913	2.598.056.282
6	Huyện Yên Sơn	8.019	173.107	2.342	18.955	2.224	8.530	6.316.376.623
7	Huyện Sơn Dương	17.904	177.680	5.228	19.456	4.967	8.755	8.059.251.254
8	Tổng toàn tỉnh	129.922	698.997	42.711	76.540	40.576	34.443	44.859.696.064
		828.919		119.251		75.019		
9	Chia theo ngày			326,7		205,5		

Chú thích:

- Tổng khối lượng CTRSH phát sinh là: 117.778 tấn/năm (tương đương khoảng 322,7 tấn /ngày)
- Khối lượng CTRSH được thu gom xử lý tập trung là: 72.370 tấn/năm (tương đương khoảng 198,3 tấn /ngày)

- Khối lượng CTRSH tự xử lý tại vùng dân cư phân tán là: 40.867 tấn/năm (tương đương với: 112 tấn/r

g trên địa bàn tỉnh năm 2025

(à Môi trường)

hí thu gom vận chuyển		Dự báo khối lượng CTR sinh hoạt được thu gom xử lý tại chỗ (tấn/năm)
NSNN	Thu giá dịch vụ	Nông thôn 90%
4.898.961.116	10.319.324.094	3.136
4.420.484.550	983.501.800	7.267
4.105.130.116	1.091.138.942	6.313
1.418.438.243	649.033.043	1.515
1.851.240.659	746.815.623	2.223
5.381.249.076	935.127.547	9.488
6.382.969.891	1.676.281.363	9.866
28.458.473.651	12.211.401.719	
		39.809
		109,1

13000 433,3333

10000 266,6667

4000 40

Phụ biểu 5.1. Dự báo khối lượng CTRSH phát sinh và khối lượng được thu gom xử lý tập trung trên địa bàn tỉnh năm 2021

ST T	Tên huyện, thành phố	Dự báo dân số năm 2021		Dự báo khối lượng CTR sinh hoạt		Dự báo khối lượng CTR sinh hoạt được thu gom xử lý tập trung (tấn/năm)		Dự báo khối lượng CTR sinh hoạt được thu gom xử lý tại chỗ (tấn/năm)
		Đô thị	Nông thôn	Đô thị	Nông thôn	Tỷ lệ thu gom năm 2021		
						Đô thị 90%	Nông thôn 30%	Nông thôn 80%
1	Thành phố Tuyên Quang	62.378	37.528	22.768	4.109	20.491	1.233	4.123
2	Huyện Chiêm Hóa	8.983	127.708	2.623	13.984	2.361	4.195	8.041
3	Huyện Hàm Yên	10.934	110.172	3.193	12.064	2.873	3.619	7.011
4	Huyện Lâm Bình		32.892	0	3.602	0	1.081	2.017
5	Huyện Na Hang	8.599	37.673	2.511	4.125	2.260	1.238	2.511
6	Huyện Yên Sơn	6.394	168.335	1.867	18.433	1.680	5.530	10.472
7	Huyện Sơn Dương	16.422	172.541	4.795	18.893	4.316	5.668	10.964
8	Tổng toàn tỉnh	113.710	686.849	37.757	75.210	33.981	22.563	
		800.559		112.967		56.544		45.138
9	Chia theo ngày			309,5		154,9		123,7

Chú thích:

- Tổng khối lượng CTRSH phát sinh là: 112.967 tấn/năm (tương đương khoảng 309,5 tấn /ngày)
- Khối lượng CTRSH được thu gom xử lý tập trung là: 56.544 tấn/năm (tương đương khoảng 154,9 tấn/ngày)
- Khối lượng CTRSH tự xử lý tại vùng dân cư phân tán là: 56.423 tấn/năm (tương đương với: 123,7 tấn/ngày)